

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: 02/2015/QĐ-UBND

Thủ Dầu Một, ngày 05 tháng 02 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức,
người lao động vi phạm chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình
trên địa bàn tỉnh Bình Dương**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Cán bộ, Công chức năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức năm 2010;

Căn cứ Pháp lệnh Dân số ngày 22/01/2003;

Căn cứ Pháp lệnh sửa đổi Điều 10 Pháp lệnh Dân số ngày 27/12/2008;

Căn cứ Nghị định số 104/2003/NĐ-CP ngày 16/9/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Dân số; Nghị định số 20/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh sửa đổi Điều 10 của Pháp lệnh Dân số; Nghị định số 18/2011/NĐ-CP ngày 17/3/2011 sửa đổi Khoản 6 Điều 2 Nghị định số 20/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010;

Căn cứ Nghị định số 34/2011/NĐ-CP ngày 17/5/2011 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật đối với công chức;

Căn cứ Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị định số 27/2012/NĐ-CP ngày 06/4/2012 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật đối với viên chức và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả của viên chức;

Căn cứ Nghị định số 66/2011/NĐ-CP ngày 01/8/2011 của Chính phủ Quy định việc áp dụng Luật Cán bộ, Công chức đối với chức danh lãnh đạo, quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và người được cử làm đại diện chủ sở hữu phần vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 64/TTr-SNV ngày 28/01/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức, người lao động vi phạm chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Đã ký: Trần Văn Nam

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức, người lao động vi phạm chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn tỉnh Bình Dương
(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 05/02/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức, người lao động vi phạm chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

2. Đối tượng áp dụng

Các đối tượng vi phạm chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình (sinh con thứ 3 trở lên), trừ trường hợp pháp luật có quy định khác hoặc thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 2 của Quy định này, cụ thể như sau:

a) Cán bộ, công chức theo quy định của Luật Cán bộ, Công chức; cán bộ lãnh đạo, quản lý theo Nghị định số 66/2011/NĐ-CP ngày 01/8/2011 của Chính phủ Quy định việc áp dụng Luật Cán bộ, công chức đối với chức danh lãnh đạo, quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và người được cử làm đại diện chủ sở hữu phần vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước;

b) Viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại Điều 2 Luật Viên chức năm 2010;

c) Lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp;

d) Những người được tuyển dụng, bầu cử, bổ nhiệm ngạch, xếp lương theo bảng lương do Nhà nước quy định thuộc chỉ tiêu biên chế được ngân sách nhà nước cấp kinh phí trong các hội có tính chất đặc thù quy định tại Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Quyết định số 68/2010/QĐ-TTg ngày 01/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định hội có tính chất đặc thù;

Những đối tượng trên sau đây được gọi chung là cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 2. Những trường hợp sinh con thứ 3 không vi phạm chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình

1. Cặp vợ chồng sinh con thứ ba, nếu cả hai hoặc một trong hai người thuộc dân tộc có số dân dưới 10.000 người hoặc thuộc dân tộc có nguy cơ suy giảm số dân (tỷ lệ sinh nhỏ hơn hoặc bằng tỷ lệ chết) theo công bố chính thức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Cặp vợ chồng sinh lần thứ nhất mà sinh ba con trở lên.

3. Cặp vợ chồng đã có một con đẻ, sinh lần thứ hai mà sinh hai con trở lên.

4. Cặp vợ chồng sinh lần thứ ba trở lên, nếu tại thời điểm sinh chỉ có một con đẻ còn sống, kể cả con đẻ đã cho làm con nuôi.

5. Cặp vợ chồng sinh con thứ ba, nếu đã có hai con đẻ nhưng một hoặc cả hai con bị dị tật hoặc mắc bệnh hiểm nghèo không mang tính di truyền (theo quy định của Bộ Y tế tại Thông tư số 03/2014/TT-BYT ngày 20/01/2014 về Danh mục dị tật, bệnh hiểm nghèo không mang tính di truyền để xác định cặp vợ chồng sinh con thứ ba không vi phạm quy định sinh một hoặc hai con), đã được Hội đồng Giám định y khoa cấp tỉnh hoặc Hội đồng Giám định y khoa Trung ương xác định.

6. Cặp vợ chồng đã có con riêng (con đẻ):

a) Sinh một con hoặc hai con, nếu một trong hai người đã có con riêng (con đẻ);

b) Sinh một con hoặc hai con trở lên trong cùng một lần sinh, nếu cả hai người đã có con riêng (con đẻ). Quy định này không áp dụng cho trường hợp hai người đã từng có hai con chung trở lên và các con hiện đang còn sống.

7. Phụ nữ chưa kết hôn sinh một hoặc hai con trở lên trong cùng một lần sinh.

Điều 3. Các trường hợp chưa xem xét xử lý kỷ luật

1. Đang trong thời gian nghỉ hàng năm theo chế độ, nghỉ việc riêng được cấp có thẩm quyền cho phép.

2. Đang bị bệnh hiểm nghèo, mất khả năng nhận thức hoặc đang trong thời gian điều trị có xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền từ tuyến huyện trở lên.

3. Cán bộ, công chức, viên chức nữ đang trong thời gian mang thai, nghỉ thai sản, đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi.

4. Đang bị tạm giam, tạm giữ chờ kết luận của cơ quan có thẩm quyền điều tra, truy tố, xét xử về hành vi vi phạm pháp luật.

Điều 4. Các trường hợp được miễn kỷ luật

1. Được cơ quan có thẩm quyền xác nhận tình trạng mất năng lực hành vi dân sự khi vi phạm nhưng chưa xử lý kỷ luật.
2. Người vi phạm đã từ trần.

Điều 5. Nguyên tắc xem xét, xử lý kỷ luật

1. Đảm bảo khách quan, công bằng, nghiêm minh, đúng pháp luật.
2. Căn cứ vào nội dung, tính chất, mức độ vi phạm; thái độ tiếp thu, sửa chữa, khắc phục khuyết điểm của cá nhân vi phạm.
3. Cán bộ, công chức, viên chức là đảng viên vi phạm chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình ngoài việc xem xét xử lý kỷ luật theo Quy định này đồng thời phải xem xét, xử lý kỷ luật về Đảng theo Quyết định số 09-QĐ/TW ngày 24/3/2011 của Bộ Chính trị về xử lý kỷ luật Đảng viên vi phạm chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình.
4. Trường hợp cả hai vợ chồng thuộc đối tượng áp dụng theo Quy định này thì xử lý kỷ luật cả hai vợ chồng.
5. Cấm mọi hành vi xâm phạm thân thể, danh dự, nhân phẩm của cá nhân trong quá trình xử lý kỷ luật.
6. Không áp dụng hình thức xử phạt hành chính thay cho hình thức kỷ luật.
7. Cán bộ, công chức, viên chức vi phạm chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình đã được cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý kỷ luật thì không xem xét, xử lý lại.
8. Thời gian chưa xem xét xử lý kỷ luật trong các trường hợp quy định tại Điều 3 Quy định này không tính vào thời hạn xử lý kỷ luật.

Chương II**QUY ĐỊNH CỤ THỂ****Điều 6. Hình thức kỷ luật**

1. Đối với cán bộ
 - Hình thức kỷ luật “Khiển trách”: Áp dụng đối với cán bộ sinh con thứ 3.
 - Hình thức kỷ luật “Cảnh cáo”: Áp dụng đối với cán bộ sinh con thứ 4.
 - Hình thức kỷ luật “Bãi nhiệm”: Áp dụng đối với cán bộ sinh con thứ 5 trở lên.
2. Đối với công chức, viên chức
 - a) Công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý

- Hình thức kỷ luật “Khiển trách”: Áp dụng đối với công chức, viên chức sinh con thứ 3.

- Hình thức kỷ luật “Cảnh cáo”: Áp dụng đối với công chức, viên chức sinh con thứ 4.

- Hình thức kỷ luật “Buộc thôi việc”: Áp dụng đối với công chức, viên chức sinh con thứ 5 trở lên.

b) Công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý

- Hình thức kỷ luật “Cảnh cáo”: Áp dụng đối với công chức, viên chức sinh con thứ 3.

- Hình thức kỷ luật “Cách chức”: Áp dụng đối với công chức, viên chức sinh con thứ 4.

- Hình thức kỷ luật “Buộc thôi việc”: Áp dụng đối với công chức, viên chức sinh con thứ 5 trở lên.

Điều 7. Thời hạn, thời hiệu, quy trình, thủ tục xem xét, xử lý kỷ luật

Thời hạn, thời hiệu, quy trình, thủ tục xem xét, xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức vi phạm chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình, tùy theo đối tượng được thực hiện theo quy định có liên quan tại Bộ Luật Lao động, Nghị định số 34/2011/NĐ-CP ngày 17/5/2011 của Chính phủ Quy định về xử lý kỷ luật công chức, Nghị định số 66/2011/NĐ-CP ngày 01/8/2011 của Chính phủ Quy định việc áp dụng Luật Cán bộ, công chức đối với chức danh lãnh đạo, quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và người được cử làm đại diện chủ sở hữu phần vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước, Nghị định số 27/2012/NĐ-CP ngày 06/4/2012 Quy định về xử lý kỷ luật viên chức và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả của viên chức, Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của các tổ chức, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình

1. Trách nhiệm chung

a) Tổ chức phổ biến, tuyên truyền, giáo dục, vận động và quán triệt đến từng cán bộ, công chức, viên chức chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình.

b) Xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình hàng năm; kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết việc thực hiện kế hoạch của đơn vị.

2. Trách nhiệm của Thủ trưởng sở, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Tuyên truyền, vận động cán bộ, công chức, viên chức thực hiện tốt chính sách của Đảng, Nhà nước về dân số - kế hoạch hóa gia đình và tham mưu, phối hợp tổ chức ký cam kết thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình.

b) Đưa nội dung thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình vào quy chế của cơ quan, đơn vị và nội quy lao động của doanh nghiệp; hàng năm, tổ chức quán triệt, ký cam kết không vi phạm chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình; kết quả thực hiện quy định này là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, bình xét thi đua, khen thưởng đối với tập thể cán bộ, công chức, viên chức và Thủ trưởng đơn vị.

c) Báo cáo kết quả xử lý các trường hợp vi phạm chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình về Sở Nội vụ, Sở Y tế để theo dõi.

3. Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức

Cán bộ, công chức, viên chức có trách nhiệm thực hiện nghiêm chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình theo quy định của Đảng, Nhà nước, của cơ quan, đơn vị và địa phương nơi cư trú.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Thời hiệu xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức vi phạm chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình là 24 tháng, kể từ ngày sinh con.

2. Sở Nội vụ và Sở Y tế (Chi cục Dân số - kế hoạch hóa gia đình) chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp và các tổ chức liên quan tuyên truyền, phổ biến, tổ chức thực hiện; theo dõi, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện Quy định này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, Thủ trưởng các sở, ngành, cơ quan, đoàn thể, tổ chức chính trị, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm thực hiện Quy định này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị có văn bản phản ánh, kiến nghị, Sở Nội vụ tổng hợp báo cáo trình Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung, sửa đổi Quy định này cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Đã ký: Trần Văn Nam